

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 49 lô đất thuộc dự án Khu dân cư phía Tây Trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa tại thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 293/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tư Nghĩa để thực hiện dự án: Khu dân cư phía Tây trụ sở công an huyện Tư Nghĩa tại thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; số 122/QĐ-UBND ngày

28/01/2022 về việc giao đất (đợt 2) cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tư Nghĩa để thực hiện dự án: Khu dân cư phía Tây trụ sở công an huyện Tư Nghĩa tại thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi và số 1379/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Tư Nghĩa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2189/TTr-STNMT ngày 05/5/2023; giá đất được xác định tại Chứng thư Định giá đất số 57/BDS-CIVS ngày 22/3/2023 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung; kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Thông báo số 11/TB-HĐTĐGD ngày 27/4/2023 và thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 49 lô đất thuộc dự án Khu dân cư phía Tây Trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa tại thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin làm cơ sở để phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 49 lô đất thuộc dự án Khu dân cư phía Tây Trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa tại thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa.

2. UBND huyện Tư Nghĩa chịu trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tư Nghĩa và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tư Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, P.KTN, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTHTien183.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên

Phụ lục
Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 49 lô đất thuộc dự án
Khu dân cư phía Tây Trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa tại thị trấn La Hà,
huyện Tư Nghĩa

(Kèm theo Quyết định số **386** /QĐ-UBND ngày **22/5/2023**
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm sau làm tròn (đồng)
I	Khu B05 (Đường Trần Kiên)			2.905,8	
1	B05-01	22	976	228,1	3.053.928.000
2	B05-02	22	977	125	1.593.875.000
3	B05-03	22	931	125	1.593.875.000
4	B05-04	22	933	125	1.593.875.000
5	B05-05	22	932	125	1.593.875.000
6	B05-06	22	934	125	1.593.875.000
7	B05-07	22	938	125	1.593.875.000
8	B05-08	22	941	125	1.593.875.000
9	B05-09	22	942	125	1.593.875.000
10	B05-10	22	946	125	1.593.875.000
11	B05-11	22	950	125	1.593.875.000
12	B05-12	22	951	125	1.593.875.000
13	B05-13	22	955	125	1.593.875.000
14	B05-14	22	958	125	1.593.875.000
15	B05-15	22	962	125	1.593.875.000
16	B05-16	22	961	125	1.593.875.000
17	B05-17	22	963	125	1.593.875.000
18	B05-18	22	966	125	1.593.875.000
19	B05-19	22	965	125	1.593.875.000
20	B05-20	22	967	125	1.593.875.000
21	B05-21	22	970	125	1.593.875.000
22	B05-22	22	969	177,7	2.265.853.000
II	Khu B05 (Đường Võ Trọng Nguyên)			1.524,4	
23	B05-27	22	968	100,7	997.635.000
24	B05-28	22	964	120,6	1.194.784.000
25	B05-29	22	960	188,8	1.870.442.000
26	B05-30	22	959	95,2	943.146.000
27	B05-31	22	954	103,2	1.022.402.000
28	B05-32	22	953	111,2	1.101.658.000

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm sau làm tròn (đồng)
29	B05-33	22	944	119,2	1.180.914.000
30	B05-34	22	945	127,2	1.260.170.000
31	B05-35	22	943	134,3	1.330.510.000
32	B05-36	22	937	139,3	1.380.045.000
33	B05-37	22	936	141,9	1.405.803.000
34	B05-38	22	935	142,8	1.414.720.000
III	Khu B02 (Đường nội bộ mặt cắt đường 13,5m bề mặt đường 7,5m)			631,9	
35	B02-02	22	893	100	1.018.700.000
36	B02-03	22	892	100	1.018.700.000
37	B02-04	22	894	100	1.018.700.000
38	B02-05	22	896	100	1.018.700.000
39	B02-06	22	895	100	1.018.700.000
40	B02-07	22	897	131,9	1.410.849.000
IV	Khu BT (Đường nội bộ mặt cắt đường 13,5m; bề mặt đường 7,5m)			231,4	
41	BT-02	22	891	231,4	2.357.272.000
V	Khu BT (Đường Phạm Cao Chấn)			453,4	
42	BT-03	22	887	231,3	2.508.911.000
43	BT-04	22	888	222,1	2.409.119.000
VI	Khu B04 (Đường Trần Kiên)			600,0	
44	B04-36	22	957	100	1.275.100.000
45	B04-37	22	956	100	1.275.100.000
46	B04-38	22	949	100	1.275.100.000
47	B04-39	22	948	100	1.275.100.000
48	B04-40	22	947	100	1.275.100.000
49	B04-41	22	940	100	1.275.100.000
	Tổng cộng			6.346,9	73.729.761.000